ỦY BAN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1378/GPMT-UBND	*Hải An, ngày 16 tháng 4 năm 2025*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 2403/CV-Ways ngày 24 tháng 03 năm 2025 của Công ty TNHH Công nghệ Ways Việt Nam và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 211/TTr-TNMT ngày 14 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Công nghệ Ways Việt Nam địa chỉ tại Nhà xưởng B1, B2, B3, B4 (thuê lại của Công ty Cổ phần KCN Tân Vũ – Hải Phòng) Lô CN4G, Khu công nghiệp và Dịch vụ hàng hải (DEEP C 2B) thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án *"CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ WAYS VIỆT NAM"* tại Nhà xưởng B1, B2, B3, B4 (thuê lại của Công ty Cổ phần KCN Tân Vũ – Hải Phòng) Lô CN4G, Khu công nghiệp và

Dịch vụ hàng hải (DEEP C 2B) thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ WAYS VIỆT NAM

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng B1, B2, B3, B4 (thuê lại của Công ty Cổ phần KCN Tân Vũ – Hải Phòng) Lô CN4G, Khu công nghiệp và Dịch vụ hàng hải (DEEP C 2B) thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số 0202249423 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2024 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9841822272 do Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 05 tháng 07 năm 2024, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 07 tháng 3 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 0202249423.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất đèn nền LED backlight, lắp ráp mạch in linh hoạt; sản xuất thiết kế khuôn dập phôi mịn, khuôn khoang chính xác, các bộ phận khuôn mẫu tiêu chuẩn; sản xuất con lăn cao su, con lăn silicon; sản xuất tấm dẫn ánh sáng và các phụ kiện đèn nền backlight; sản xuất, gia công hệ thống dây dẫn điện cho xe ô tô; sản xuất, gia công bộ dây dẫn cho các thiết bị điện tử; cung cấp dịch vụ gia công bản vẽ, thiết kế bản vẽ, hỗ trợ và tư vấn sản xuất và các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp điện tử và ô tô; cung cấp dịch vụ giám sát, theo dõi, kiểm tra, kiểm định chất lượng, thử nghiệm quy trình sản xuất và gia công các sản phẩm điện tử, linh kiện điện tử và phụ tùng ô tô; cung cấp dịch vụ gia công, sửa chữa, tân trang các sản phẩm màn hình và các sản phẩm liên quan khác; cung cấp dịch vụ gia công, sửa chữa, tân trang các sản phẩm linh kiện điện tử như đèn nền LED panel backlight; thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn), quyền phân phối bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) đối với sản phẩm, hàng hóa mà pháp luật Việt Nam cho phép.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 11.832,8 m^2.

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Công suất:

+ Đèn LED panel backlight: 4.500.000 sản phẩm/năm, tương đương 1.530 tấn/năm.

+ Mạch in linh hoạt: 4.500.000 sản phẩm/năm, tương đương 3 tấn/năm.

+ Khuôn dập phôi mịn, khuôn khoang chính xác, các bộ phận khuôn mẫu tiêu chuẩn: 30 sản phẩm/năm, tương đương 24,8 tấn/năm.

+ Tấm dẫn ánh sáng và các phụ kiện đèn nền backlight: 4.500.000 sản phẩm/năm, tương đương 200 tấn/năm.

+ Sản phẩm cao su tổng hợp: 42.356.999 sản phẩm/năm, tương đương 1.000 tấn/năm.

+ Bộ dây dẫn điện cho xe ô tô và các thiết bị điện tử: 1.500.000 sản phẩm/năm, tương đương 225 tấn/năm.

+ Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn), phân phối bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) đối với sản phẩm, hàng hóa mà pháo luật Việt Nam cho phép: Doanh thu dự kiến trung bình hàng năm đạt 1.492.751.558.400 đồng, tương đương 61.582.160 đô la Mỹ.

+ Dịch vụ gia công bản vẽ, thiết kế bản vẽ, hỗ trợ và tư vấn sản xuất và các dịch vụ liên quan đến ngành công nghiệp điện tử và ô tô: Doanh thu dự kiến trung bình hàng năm đạt 1.000.000 đô la Mỹ.

+ Dịch vụ giám sát, theo dõi, kiểm tra, kiểm định chất lượng, thử nghiệm quy trình sản xuất và gia công các sản phẩm điện tử, linh kiện điện tử và phụ tùng ô tô: Doanh thu dự kiến trung bình hàng năm đạt 3.000.000 đô la Mỹ.

+ Hoạt động gia công, sửa chữa, tân trang các sản phẩm màn hình và các sản phẩm liên quan khác: 1.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 680 tấn/năm, doanh thu dự kiến trung bình hàng năm đạt 5.000.000 đô la Mỹ.

+ Hoạt động gia công, sửa chữa, tân trang các sản phẩm linh kiện điện tử như đèn nền LED panel backlight: 1.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 340 tấn/năm, doanh thu dự kiến trung bình hàng năm đạt 3.000.000 đô la Mỹ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công nghệ Ways Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Công nghệ Ways Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy định các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 04 năm. (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 29 tháng 8 năm 2029).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường quận tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- CT, PCT UBND quận;
- VP HĐND&UBND;
- Phòng TN&MT;
- Công ty TNHH Công nghệ Ways Việt Nam;
- Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;
- UBND phường Đông Hải 2;
- Cổng TT điện tử quận;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1378 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân quận Hải An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý sơ bộ sẽ đưa qua hệ thống xử lý nước thải và thoát vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ, không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH Công nghệ Ways Việt Nam đã ký Hợp đồng thuê công trình xây dựng số KCNTV/PLC/24-008 ngày 21/08/2024 với Công ty TNHH Deep C Blue, Chủ đầu tư đã ký Hợp đồng tiện ích nước số DCB/DCBC/CON/24/18 ngày 23/09/2024 với Công ty TNHH Deep C Blue – đây là đơn vị được Công ty cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng (chủ đầu tư Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Đình Vũ) ủy quyền vận hành Trạm xử lý.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1 Nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh xưởng B1-B4 được thu gom theo đường ống PVC D110 về 04 bể tự hoại 05 ngăn (dung tích 17 m3/bể) để xử lý sau đó dẫn về hố ga kiểm tra tại xưởng B1-B4 (sử dụng riêng của dự án).

- Nước thải rửa tay tại xưởng B1-B4 được thu gom theo đường ống PVC D110 về hố ga kiểm tra tại xưởng B1-B4 (sử dụng riêng của dự án)

Nước thải này đấu nối vào hệ thống thu thoát nước sinh hoạt chung của lô CN4G (sử dụng chung với chủ xưởng) qua 4 điểm xả thải tương ứng với 4 nhà xưởng, sau đó về 01 hố bơm cuối cùng của lô CN4G và đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp Deep C2B về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

1.1.2. Nước thải sản xuất

(1). Nước làm mát bán thành phẩm tại máy ép phun nhựa tại xưởng B1:

Sau khi làm mát có nhiệt độ cao (khoảng 37^0C) được dẫn sang tháp giải nhiệt để làm mát còn khoảng 32^0C được tuần hoàn tái sử dụng cho các công đoạn làm mát trên.

Nước làm mát có nhiệt độ cao (khoảng 37^0C) được đưa đến tháp giải nhiệt. Tháp giải nhiệt hoạt động dựa trên sự chuyển đổi năng lượng nhiệt dư thừa thông qua sự bay hơi của nước vào trong không khí; nhờ vậy mà nhiệt độ của nước còn lại trong tháp được giảm đi đáng kể.

Tháp giải nhiệt được thiết kế luồng không khí theo hướng ngược với hướng dòng nước. Ban đầu, không khí tiếp xúc với môi trường màng giải nhiệt, sau đó luồng không khí kéo lên theo phương thẳng đứng. Nước được phun xuống do áp suất không khí qua bề mặt tấm giải nhiệt, gió được thổi theo hướng ngược lại. Quá trình này sẽ làm một lượng nước bị bốc hơi vào không khí từ đó làm giảm nhiệt độ của nước. Nước sau khi làm mát có nhiệt độ 32^0C được tuần hoàn tái sử dụng.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống:

+ Bố trí tại tầng bên hông xưởng B1;

+ Tháp giải nhiệt Cooling Tower: 03 tháp (ZLT – 150 T), khả năng làm mát 585.000 Kcal/Hr; lưu lượng gió 117 m3/giờ; đường ống nước vào DN90 và đường ống nước ra DN90; kích thước 1800x1800x2400mm.

+ Bơm: 02 bơm; mỗi bơm có công suất 2,2KW, 380V, 50Hz và 5,8A,

+ Đường ống thu gom nước DN125;

+ Đường ống tuần hoàn nước DN125.

(2). Nước tại máy cắt dây:

Nước cấp đầu vào cho máy cắt dây là nước cấp của KCN, lượng nước cấp ban đầu là 90 l/máy, nước được tuần hoàn liên tục qua 2 cột lọc, bên trong các cột lọc có màng lọc để giữ lại phoi thép và phần nước được tái sử dụng. Lượng nước này được sử dụng tuần hoàn và thay thế 1 năm/lần, quản lý là nước thải công nghiệp (thuê đơn vị có chức năng đến hút trực tiếp vào xe bồn và xử lý là nước thải công nghiệp).

(3). Nước thải từ máy rửa tấm dẫn ánh sáng:

Toàn bộ nước rửa sẽ được thu gom về thiết bị lọc nước đồng bộ với máy rửa (bên trong có bố trí nhiều túi vải để lọc) để lọc nước, nước sau lọc sẽ tuần hoàn lại máy rửa, hàng ngày bổ sung lượng thất thoát, bay hơi. Cứ 3 tháng/lần sẽ tiến hành thải bỏ và chuyển giao là nước thải công nghiệp (thuê đơn vị có chức năng đến hút trực tiếp vào xe bồn và xử lý là nước thải công nghiệp).

Khối lượng túi vải lọc nước sử dụng là 0,8 kg/lần, 1 năm sử dụng 3,2 kg/năm.

(4). Nước thải từ hệ thống lọc bụi 05 máy mài tay:

Định kỳ 1 tuần/lần sẽ thải bỏ toàn bộ nước và bùn cặn tại bể, thực hiện trong 1 ngày và thuê đơn vị có chức năng đến hút trực tiếp vào xe bồn và xử lý là nước thải công nghiệp.

→ Việc chuyển giao nước thải sản xuất cho đơn vị có chức năng xử lý là nước thải công nghiệp là hoàn toàn phù hợp vì hạ tầng kỹ thuật của chủ xưởng không thu gom nước thải sản xuất, KCN Deep C2B không có Trạm xử lý nước thải tập trung. Công ty cam kết ký hợp đồng chuyển giao nước thải sản xuất với đơn vị có đầy đủ năng lực gồm giấy phép xử lý chất thải nguy hại, giấy phép môi trường có mã chất thải này do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường). Trách nhiệm giám sát và đánh giá chất lượng của việc xử lý này thuộc về chủ đầu tư, cơ quan quản lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh xưởng B1-B4 → 04 Bể tự hoại 5 ngăn tại xưởng B1-B4 (tổng thể tích 68 m^3) → Hố ga kiểm tra tại xưởng B1-B4 → Hệ thống thu thoát nước thải sinh hoạt chung tại lô CN4G → Hệ thống thu gom nước thải của KCN Deep C2B → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

+ Nước thải rửa tay xưởng B1-B4 → Hố ga kiểm tra tại xưởng B1-B4 → Hệ thống thu thoát nước thải sinh hoạt chung tại lô CN4G → Hệ thống thu gom nước thải của KCN Deep C2B → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

- Công suất thiết kế:

+ 04 bể tự hoại 05 ngăn, tổng thể tích 68 m^3.

1.2.2. Nước thải sản xuất

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước làm mát bán thành phẩm tại máy ép phun nhựa tại xưởng B1 → 03 tháp giải nhiệt → Máy ép phun nhựa tại xưởng B1;

+ Nước tại máy cắt dây → Cột lọc → Đơn vị có chức năng xử lý (hút trực tiếp vào xe bồn và xử lý là nước thải công nghiệp);

+ Nước thải từ máy rửa tấm dẫn ánh sáng → Máy rửa (bên trong có túi vải lọc) → Đơn vị có chức năng xử lý (hút trực tiếp vào xe bồn và xử lý là nước thải công nghiệp);

+ Nước thải từ hệ thống lọc bụi 05 máy mài tay → Đơn vị có chức năng xử lý (hút trực tiếp vào xe bồn và xử lý là nước thải công nghiệp).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 46, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thoát nước

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 6 tháng kể từ thời điểm Dự án bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: 04 bể tự hoại 05 ngăn thể tích 17 m^3/bể.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ 01 hố ga tại xưởng B1. Tọa độ: X(m) = 2300850; Y (m) = 607042

+ 01 hố ga tại xưởng B2. Tọa độ: X(m) = 2300850; Y (m) = 607098

+ 01 hố ga tại xưởng B3. Tọa độ: X(m) = 2300850; Y (m) = 607135

+ 01 hố ga tại xưởng B4. Tọa độ: X(m) = 2300850; Y (m) = 607189

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo tiêu chuẩn đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, đấu nối nước thải của Khu công nghiệp Đình Vũ trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ để tiếp tục xử lý; không được phép xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đấu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Đình Vũ theo đúng quy định của pháp luật.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Công ty TNHH Công nghệ Ways Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ để tiếp tục xử lý; không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo tiêu chuẩn đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bình Vũ.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường mà thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, đấu nối nước thải của Khu công nghiệp Bình Vũ trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bình Vũ để tiếp tục xử lý; không được phép xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đấu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Bình Vũ theo đúng quy định của pháp luật.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, tuân thủ để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Công ty TNHH Công nghệ Wonya Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải và hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bình Vũ để tiếp tục xử lý; không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1378 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân quận Hải An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn thải số 01: Khí thải từ 12 máy ép phun nhựa tại xưởng B1

- Nguồn thải số 02: Khí thải từ lò hàn đối lưu, máy phun sơn tại xưởng B3

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải:

+ Dòng khí thải số 1 (nguồn thải số 01): Ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ: X = 2300779 ; Y = 607041.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°)

+ Dòng khí thải số 2 (nguồn số 02): Ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ: X = 2300782 ; Y = 607118

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 1: 15.000 m^3/h

- Dòng khí thải số 2: 15.000 m^3/h

2.2.1. Phương thức xả khí thải Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua ống thải khí, xả liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp = 0,9 và Kv = 0,6) và QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m^3/h	15.000		Không thuộc đối	Không thuộc đối tượng

TT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
2	Metylacrylat	mg/Nm^3	-	35	tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ	phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục
3	Đồng và hợp chất của đồng	mg/Nm^3	5,4	-		
4	n-butanol	mg/Nm^3	-	360		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ dòng thải số 01: Khí thải từ 12 máy ép phun nhựa tại xưởng B1 được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý khí thải sử dụng công nghệ hấp phụ than hoạt tính, công suất 15.000 m^3/h để xử lý sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí.

- Khí thải từ dòng thải số 02: Khí thải từ lò hàn đối lưu, máy phun sơn tại xưởng B3 được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý khí thải sử dụng công nghệ hấp phụ than hoạt tính, công suất 15.000 m^3/h để xử lý sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

+ Khí thải từ dòng thải số 01: Khí thải tại 12 máy ép phun nhựa tại xưởng B1 → Đường ống thu gom → Hệ thống xử lý khí thải (hấp phụ bằng than hoạt tính) → Ống thoát khí thải.

+ Khí thải từ dòng thải số 02: Khí thải từ lò hàn đối lưu, máy phun sơn tại xưởng B3 → Đường ống thu gom → Hệ thống xử lý khí thải (hấp phụ bằng than hoạt tính) → Ống thoát khí thải.

- Công suất thiết kế: 15.000 m3/h/hệ thống

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom, xử lý khí thải.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành các hệ thống xử lý khí thải, giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm túc chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các hệ thống xử lý khí thải.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 6 tháng kể từ thời điểm Dự án bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải từ máy ép phun nhựa (lưu lượng thiết kế 15.000 m3/giờ)

+ Thông số quan trắc: Lưu lượng, Metylacrylat

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- 01 ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn đối lưu, phun mã/số hiệu lên bảng mạch (lưu lượng 15.000 m3/giờ)

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, Đồng và hợp chất của đồng, n-butanol

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với các hệ số Kp = 0,9; Kv = 0,6

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải từ máy ép phun nhựa (lưu lượng thiết kế 15.000 m3/giờ). Tọa độ: X = 2300779; Y = 607041;

- 01 ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn đối lưu, phun mã/số hiệu lên bảng mạch (lưu lượng 15.000 m3/giờ). Tọa độ: X = 2300782; Y = 607118.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép:

STT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tiêu chuẩn, Quy chuẩn so sánh
1	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải từ máy ép phun nhựa	Lưu lượng, Metylacrylat	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) (Cmax = C x Kp x Kv = C x 0,9 x 0,6); QCVN 20:2009/BTNMT
2	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn đối lưu, phun mã/số hiệu lên bảng mạch	Lưu lượng, Đồng và hợp chất của đồng, n-butanol	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) (Cmax = C x Kp x Kv = C x 0,9 x 0,6); QCVN 20:2009/BTNMT

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý khí thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả của hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số

05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.5. Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ theo cam kết của chủ dự án tại Báo cáo đề xuất cấp lại Giấp phép môi trường.

3.6. Công ty chịu trách nhiệm định kỳ hàng năm quan trắc môi trường lao động theo đúng quy định hiện hành để bảo đảm môi trường làm việc và sức khỏe của người lao động tại nhà máy.

Phụ lục 3

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1378 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân quận Hải An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: hoạt động vận tải nguyên vật liệu, chất thải ra vào dự án
- Nguồn số 02: hoạt động vận tải thành phẩm
- Nguồn số 03: khu vực sản xuất ép phun nhựa tại xưởng B1;
- Nguồn số 04: khu vực lắp ráp tại xưởng B2;
- Nguồn số 05: khu vực lắp ráp tại xưởng B3;
- Nguồn số 06: khu vực lắp ráp tại xưởng B4;
- Nguồn số 07: Khu vực chuyền SMT tại nhà xưởng B3.
- Nguồn số 08: quạt hút tại hệ thống xử lý khí thải từ máy ép phun nhựa
- Nguồn số 09: quạt hút tại hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn đối lưu, phun mã/số hiệu lên bảng mạch
- Nguồn số 10: máy phát điện dự phòng (nguồn phát sinh không thường xuyên)

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Toạ độ: X(m) = 2300846,80; Y(m) = 607200,77.
- Nguồn số 02: Toạ độ: X(m) = 2300836,91; Y(m) = 607161,48.
- Nguồn số 03: Toạ độ: X(m) = 2300746,73; Y(m) = 607049,19.
- Nguồn số 04: Toạ độ: X(m) = 2300855,93; Y(m) = 607104,41.
- Nguồn số 05: Toạ độ: X(m) = 2300856,26; Y(m) = 607104,61.
- Nguồn số 06: Toạ độ: X(m) = 2300844,25; Y(m) = 607201.
- Nguồn số 07: Toạ độ: X(m) = 2300850,63; Y(m) = 607141,40.
- Nguồn số 08: Tọa độ: X(m) = 2300775,04; Y(m) = 607042,67.
- Nguồn số 09: Tọa độ: X(m) = 2300785,37; Y(m) = 607117,56.
- Nguồn số 10: Tọa độ: X(m) = 2300781,55; Y(m) = 607196,19.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°)

3. Quy định về tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	*Không thực hiện*	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	*Không thực hiện*	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng phương tiện đạt tiêu chuẩn lưu hành, không chở quá tải trọng cho phép, lái xe có kinh nghiệm xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình vận chuyển. Không chở máy móc trong ngày có mưa bão hoặc thời tiết xấu. Tránh vận chuyển vào giờ cao điểm (giờ đi làm, giờ tan ca).

- Thường xuyên cân chỉnh và bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám) các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.

- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với máy móc thiết bị sản xuất.

- Kiểm tra thường xuyên độ cân bằng của máy móc, thiết bị (khi lắp đặt và định kỳ trong quá trình hoạt động); kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bảo dưỡng.

- Cán bộ nhân viên làm việc ở các vị trí có mức ồn và độ rung lớn đều được cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động chuyên dùng: quần áo bảo hộ, nút tai chống ồn…

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Định kỳ bảo dưỡng hiệu chuẩn đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Trên đường giao thông nội bộ, đặc biệt là vị trí khu vực cổng ra vào của Công ty quy định giảm tốc độ của các phương tiện vận tải.

- Các xe chuyên chở cần phải bảo dưỡng định kỳ. Bố trí các xe chuyên chở vào các thời điểm thích hợp, tránh những giờ cao điểm gây ùn tắc giao thông.

- Kiểm tra thường xuyên độ cân bằng của máy móc, thiết bị (khi lắp đặt và định kỳ trong quá trình hoạt động); kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bảo dưỡng.

- Cán bộ nhân viên làm việc ở các vị trí có mức ồn và độ rung lớn đều được cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động chuyên dùng: quần áo bảo hộ, nút tai chống ồn…

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1378 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân quận Hải An)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	2.331,6	18 02 01
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	Lỏng	1.205	17 02 04
3	Ắc quy chì thải	Rắn	150	19 06 01
4	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại hữu cơ (kem hàn thải, sơn thải, cồn thải, chất trợ hàn)	Rắn/lỏng	4.907	19 12 02
5	Bao bì kim loại chứa thành phần nguy hại thải (vỏ đựng dầu tĩnh điện, vỏ đựng sơn, vỏ đựng dầu bôi trơn)	Rắn	67	18 01 02
6	Bao bì nhựa có chứa thành phần nguy hại (vỏ đựng kem hàn, vỏ đựng cồn)	Rắn	12,8	18 01 03
7	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử	Rắn	4	19 02 05
8	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	1.456,4	12 01 04
Tổng			**10.133,8**	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: khoảng 254,64 tấn/năm (phế liệu, nhựa, giấy, bìa carton, nilon, sản phẩm hỏng, pallet hỏng, vỏ dây điện, dây thít,...)

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 123,5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích: 02 Container 20 feet; diện tích 30 m^2.

+ Thiết kế, cấu tạo: Thiết bị thiết kế đầy đủ biển cảnh báo, bình bột chữa cháy, cát, xẻng ứng phó sự cố tràn đổ. Riêng đối với các mã CTNH lỏng thì sẽ bố trí khay chống tràn đặt phía dưới để thu chất lỏng khi tràn đổ xảy ra. Có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH, được dán nhãn mã chất thải nguy hại, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chất thải nguy hại phải được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thiết bị lưu chứa riêng biệt có dán mã chất thải nguy hại của từng loại chất thải nguy hại khác nhau, rồi tập kết về kho chứa để lưu giữ và định kỳ chuyển giao cho đơn vị đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường bảo đảm lưu giữ an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ và đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường:

+ 03 container 20 feet (45 m^2).

+ 01 kho chứa phế liệu: 30 m^2

- Đối với chất thải công nghiệp còn giá trị thương mại, Công ty sẽ bán cho các đơn vị có nhu cầu theo Hợp đồng mua bán được ký kết.

- Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp không còn giá trị thương mại.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa rác dung tích 220 lít đặt bên trong mái canopy sau xưởng B4.

- Phân loại rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 3 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế, rác thải thực phẩm, rác thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải. Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

- Khu vực lưu chứa: Chất thải được tập kết vào 02 xe đẩy rác để đảm bảo tính mỹ quan và thuê đơn vị có chức năng thu gom đưa đi xử lý hàng ngày.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kết hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Đối với chất thải công nghiệp có giá trị thương mại, Công ty sẽ bán cho các đơn vị có nhu cầu theo Hợp đồng mua bán được ký kết.

- Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp không có giá trị thương mại.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa rác dung tích 220 lít đặt bên trong mái canopy sau xưởng B4.

- Phân loại rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 3 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế, rác thải thực phẩm, rác thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết tổng loại chất thải. Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

- Khu vực lưu chứa: Chất thải được tập kết vào 02 xe đẩy rác để đảm bảo tính mỹ quan và thuận đơn vị có chức năng thu gom đưa đi xử lý hàng ngày.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: không có.

II. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.

- Thực hiện triệt để phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm bảo hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Thường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1378 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân quận Hải An)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo yêu cầu về vệ sinh sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải; kiểm soát tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

4. Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm nộp về cơ quan quản lý nhà nước.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường

này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.